

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDK HÀ NỘI**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN HIGH-TECH MATERIALS**

Mã chứng khoán: **MSR**

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 6256 3862 Fax: (028) 3827 4115

Website: [www.masangroup.com/masanresources](http://www.masangroup.com/masanresources)

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Nguyên Hải

Địa chỉ: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại (cơ quan): (028) 6256 3862 Fax: (028) 3827 4115

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials công bố Báo cáo tài chính bán niên năm 2020 đã được soát xét.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/8/2020 tại đường dẫn [https://masangroup.com/masanresources/investor-center/financial-information?lang\\_ui=vn](https://masangroup.com/masanresources/investor-center/financial-information?lang_ui=vn).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Người được ủy quyền công bố thông tin**



**PHẠM NGUYỄN HẢI**



**Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials  
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2020



**Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0309966889

ngày 27 tháng 4 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 6 tháng 8 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên số 0309966889 được cấp ngày 27 tháng 4 năm 2010.

**Giấy Chứng nhận Đầu tư số** 41122000131

ngày 2 tháng 8 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đầu tư do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty để thực hiện việc đầu tư dự án “Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San” có thời gian hoạt động là 10 năm kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đầu tư.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Danny Le  
Ông Nguyễn Thiệu Nam  
Ông Nguyễn Văn Thắng  
Ông Craig Richard Bradshaw

Chủ tịch  
Phó Chủ tịch thứ nhất  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Craig Richard Bradshaw  
Ông Stuart James Wells

Tổng Giám đốc  
Giám đốc Tài chính

**Trụ sở đăng ký**

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza  
Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 22 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Craig Richard Bradshaw  
Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2020



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials  
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài Nguyên Masan)**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 22.

### **Trách nhiệm của Ban Giám Đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 20-02-00097-20-2



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0861-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2020

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3064-2019-007-1

**Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2020 Nghìn VND</b>	<b>1/1/2020 Nghìn VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 +150)</b>	<b>100</b>		<b>711.448.404</b>	<b>711.706.777</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>7</b>	<b>6.096.034</b>	<b>4.273.418</b>
Tiền	111		2.096.034	273.418
Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000	4.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>704.786.158</b>	<b>707.433.359</b>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.328.686	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	703.457.472	707.433.359
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>566.212</b>	<b>-</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		266.212	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		300.000	-
<b>Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250)</b>	<b>200</b>		<b>12.454.770.460</b>	<b>12.454.770.460</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	8	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		137.950	137.950
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(137.950)	(137.950)
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>9.454.770.460</b>	<b>9.454.770.460</b>
Đầu tư vào công ty con	251	9	9.454.770.460	9.454.770.460
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>13.166.218.864</b>	<b>13.166.477.237</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 Nghìn VND	1/1/2020 Nghìn VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>3.063.214.779</b>	<b>3.068.983.519</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>63.214.779</b>	<b>68.983.519</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311		330.000	330.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		1.200	6.860.237
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	10	50.077.109	48.986.812
Phải trả ngắn hạn khác	319	11	12.806.470	12.806.470
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	12	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>10.103.004.085</b>	<b>10.097.493.718</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>13</b>	<b>10.103.004.085</b>	<b>10.097.493.718</b>
Vốn cổ phần	411	14	9.892.398.780	9.892.398.780
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		9.892.398.780	9.892.398.780
Thặng dư vốn cổ phần	412	14	145.709.384	145.709.384
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		64.895.921	59.385.554
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối				
đến cuối năm trước	421a		59.385.554	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		5.510.367	59.385.554
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>13.166.218.864</b>	<b>13.166.477.237</b>

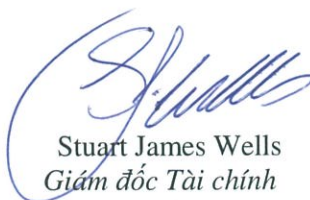
Ngày 12 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai  
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Stuart James Wells  
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**Mẫu B 02a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>Từ 1/1/2020</b>	<b>Từ 1/1/2019</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>đến 30/6/2020</b>	<b>đến 30/6/2019</b>
			<b>Nghìn VND</b>	<b>Nghìn VND</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	152.387.804	129.883.132
Chi phí tài chính	22	16	152.076.526	128.020.006
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.661.148	1.098.658
<b>(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> <b>(30 = 21 - 22 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>(1.349.870)</b>	<b>764.468</b>
Chi phí khác	32		(501.547)	-
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = - 32)</b>	<b>40</b>		<b>501.547</b>	<b>-</b>
<b>(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế</b> <b>(50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(848.323)</b>	<b>764.468</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	17	(6.358.690)	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> <b>(60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>5.510.367</b>	<b>764.468</b>

Ngày 12 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai  
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Stuart James Wells  
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:




Craig Richard Bradshaw  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(848.323)</b>	<b>764.468</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(152.387.804)	(129.883.132)
Chi phí lãi vay	06		151.502.740	128.020.006
<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(1.733.387)</b>	<b>(1.098.658)</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(1.648.718)	148.795
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		472.166	(3.483.274)
Biến động chi phí trả trước	12		(266.212)	(922.207)
			(3.176.151)	(5.355.344)
Tiền lãi vay đã trả	14		(151.084.924)	(120.047.401)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(300.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(154.561.075)</b>	<b>(125.402.745)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Góp vốn theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh ("HĐHTKD")	23		-	(500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay	24		-	3.945.518.100
Góp vốn vào công ty con	25		-	(4.314.434.887)
Tiền thu lãi tiền gửi, đầu tư và cổ tức	27		156.383.691	493.776.346
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>156.383.691</b>	<b>(375.140.441)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND
----------	----------------	---	---

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Tiền thu từ đi vay và phát hành trái phiếu	33	-	500.000.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>500.000.000</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	1.822.616	(543.186)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	4.273.418	3.288.566
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	7 6.096.034	2.745.380

Ngày 12 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai  
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Stuart James Wells  
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:




Craig Richard Bradshaw  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **Hình thức sở hữu vốn và cấu trúc Công ty**

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có 3 nhân viên (1/1/2020: 3 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”). Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày bằng VND làm tròn đến hàng nghìn (“Nghìn VND”).

**Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

#### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### **(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **(c) Đầu tư vào công ty con**

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(e) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba (3) đến tám (8) năm.

**(f) Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(g) Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“HĐHTKD”) là hợp đồng mà trong đó các bên tham gia ký kết đồng ý thực hiện các hoạt động kinh doanh cụ thể mà qua đó không yêu cầu phải thành lập một pháp nhân. Công ty hạch toán mỗi HĐHTKD dựa theo bản chất của hợp đồng và các quyền và nghĩa vụ của Công ty trong hợp đồng. Trường hợp Công ty góp vốn dưới hình thức tài sản tài chính cho các bên khác và do đó tiếp nhận một quyền hợp đồng – được nhận tiền hoặc tài sản tài chính khác từ các bên khác theo HĐHTKD, Công ty sẽ ghi nhận tài sản tài chính. Trường hợp các khoản phân chia lợi nhuận từ các bên khác của HĐHTKD có bản chất là thu nhập tài chính, các khoản này sẽ được ghi nhận là thu nhập tài chính dựa trên tỷ lệ lợi nhuận theo thỏa thuận của các bên tham gia. Các khoản phân chia còn phụ thuộc vào kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD và được ghi nhận là thu nhập khi kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

**(h) Trái phiếu phát hành**

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**(i) Vốn chủ sở hữu**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được trình bày là vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

**Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(j) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(k) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

**(i) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi và cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá. Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

**(ii) Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính.

**(l) Thu nhập từ lợi nhuận được chia**

Thu nhập từ lợi nhuận được chia từ công ty con được ghi nhận khi quyền nhận lợi nhuận được xác lập. Lợi nhuận nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(m) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lệ phí vay. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

**Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(n) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các bên liên quan cá nhân là các cán bộ quản lý chủ chốt có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các giám đốc và cán bộ của Công ty. Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

**4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh**

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán được thực hiện tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm trước ảnh hưởng đến báo cáo riêng giữa niên độ này.

**6. Các khoản mục bất thường**

Công ty không có các khoản mục bất thường nào có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

**7. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>Ngàn VND</b>	<b>Ngàn VND</b>
Tiền mặt	2.096.034	273.418
Tiền gửi ngân hàng	4.000.000	4.000.000
	<hr/>	<hr/>
	6.096.034	4.273.418
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>Ngàn VND</b>	<b>Ngàn VND</b>
<b>Phải thu ngắn hạn</b>		
Phân phối lợi nhuận phải thu từ HĐHTKD (a)	49.962.111	49.962.111
Phân phối lợi nhuận (b)	653.409.101	657.409.101
Phải thu ngắn hạn khác	86.260	62.147
	703.457.472	707.433.359
<b>Phải thu dài hạn</b>		
Phải thu theo HĐHTKD (c)	3.000.000.000	3.000.000.000
	3.000.000.000	3.000.000.000

- (a) Khoản phân phối lợi nhuận phải thu từ HĐHTKD dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh kỳ hiện tại mà Công ty đã ký kết với các công ty con của Công ty là Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”) và Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) (Thuyết minh 8(c)).
- (b) Khoản này thể hiện lợi nhuận phân phối trong năm 2019 phải thu từ công ty con.
- (c) Các khoản phải thu dài hạn khác theo HĐHTKD phản ánh khoản đóng góp cho NPM theo các Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (“HĐHTKD”) ngày 21 tháng 9 năm 2018 và sau đó được sửa đổi năm (5) lần theo đó Công ty sử dụng khoản tiền thu được từ trái phiếu trị giá lần lượt 1.000 tỷ VND, 500 tỷ VND và 500 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với NPM. Các HĐHTKD này có thời gian hợp tác lần lượt là ba mươi sáu (36) tháng, sáu mươi (60) tháng và sáu mươi (60) tháng kể từ khi NPM nhận được tiền từ HĐHTKD lần lượt vào tháng 9 năm 2018, tháng 11 năm 2018 và tháng 5 năm 2019. Lợi nhuận được phân phối theo tỷ lệ đã thỏa thuận trong HĐHTKD.

Các khoản phải thu dài hạn khác theo HĐHTKD phản ánh khoản đóng góp cho MTC theo HĐHTKD ngày 16 tháng 11 năm 2018 và sau đó được sửa đổi ba (3) lần, theo đó Công ty sử dụng khoản tiền thu được từ trái phiếu trị giá 1.000 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với MTC. HĐHTKD này có thời gian hợp tác là sáu mươi (60) tháng kể từ khi MTC nhận được tiền từ HĐHTKD vào tháng 11 năm 2018. Lợi nhuận được phân phối theo tỷ lệ đã thỏa thuận trong HĐHTKD.

**Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Đầu tư tài chính dài hạn**

	<b>30/6/2020</b>		<b>1/1/2020</b>	
	<b>Giá gốc</b> Nghìn VND	<b>Giá trị hợp lý</b> Nghìn VND	<b>Giá gốc</b> Nghìn VND	<b>Giá trị hợp lý</b> Nghìn VND
<b>Đầu tư vào một công ty con</b>				
Đầu tư vào Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”)				
	9.454.770.460	(*)	9.454.770.460	(*)

MRTN là một công ty cổ phần đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp của Công ty tại MRTN là 100% tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (1/1/2020: 100%).

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá gốc.

**10. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2020</b> Nghìn VND	<b>1/1/2020</b> Nghìn VND
Tiền lãi vay phải trả	49.009.628	48.591.812
Chi phí phải trả khác	1.067.481	395.000
	50.077.109	48.986.812

**Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## 11. Phải trả ngắn hạn khác

Phải trả ngắn hạn khác bao gồm các khoản sau:

	30/6/2020 Nghìn VND	1/1/2020 Nghìn VND
<b>Phải trả cho Công ty Cổ phần Tâm nhìn Masan (“MH”)</b>		
– công ty mẹ trực tiếp		
Phi thương mại – ngắn hạn (*)	2.511.785	2.511.785
<b>Phải trả cho Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng</b>		
<b>sản Núi Pháo – công ty con</b>		
Phi thương mại – ngắn hạn (*)	10.294.685	10.294.685
	12.806.470	12.806.470

(\*) Các khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và được thanh toán dựa trên thỏa thuận của các bên.

## 12. Vay và trái phiếu dài hạn

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu dài hạn bằng VND hiện còn số dư như sau:

	Năm đáo hạn	30/6/2020 Nghìn VND	1/1/2020 Nghìn VND
Phát hành trái phiếu dài hạn			
▪ Phát hành trái phiếu có đảm bảo (a)	2021	1.000.000.000	1.000.000.000
▪ Phát hành trái phiếu có đảm bảo (b)	2023	1.500.000.000	1.500.000.000
▪ Phát hành trái phiếu có đảm bảo (c)	2024	500.000.000	500.000.000
		3.000.000.000	3.000.000.000

(a) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn ba (3) năm và chịu lãi suất 9,8% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,2%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 10,58% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi MH. Đại diện của các trái chủ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương. Khoản tiền nhận được từ số trái phiếu trên được sử dụng cho HĐHTKD với NPM (Thuyết minh 8(c)).

**Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (b) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn năm (5) năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,25%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 15,65% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi MH. Đại diện của các trái chủ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương. Khoản tiền nhận được từ số trái phiếu trên được sử dụng cho HĐHTKD với NPM và MTC (Thuyết minh 8(c)).
- (c) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn năm (5) năm và chịu lãi suất 10,2% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,3%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 5,62% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi MH. Đại diện của các trái chủ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương. Khoản tiền nhận được từ số trái phiếu trên được sử dụng cho HĐHTKD với NPM (Thuyết minh 8(c)).

### 13. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần Nghìn VND	Thặng dư vốn cổ phần Nghìn VND	Lợi nhuận chưa phân phối Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2019</b>	8.993.091.220	145.709.384	306.749.602	9.445.550.206
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	764.468	764.468
<b>Số dư tại ngày 30/6/2020</b>	8.993.091.220	145.709.384	307.514.070	9.446.314.674
<b>Số dư tại ngày 1/1/2020</b>	9.892.398.780	145.709.384	59.385.554	10.097.493.718
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	5.510.367	5.510.367
<b>Số dư tại ngày 30/6/2020</b>	9.892.398.780	145.709.384	64.895.921	10.103.004.085

**Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## 14. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>30/6/2020 và 1/1/2020</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>Nghìn VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	989.239.878	9.892.398.780
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b> Cổ phiếu phổ thông	989.239.878	9.892.398.780
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	989.239.878	9.892.398.780
<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	-	145.709.384

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu.

## 15. Doanh thu hoạt động tài chính

	<b>Từ 1/1/2020</b> <b>đến 30/6/2020</b> <b>Nghìn VND</b>	<b>Từ 1/1/2019</b> <b>đến 30/6/2019</b> <b>Nghìn VND</b>
Lãi từ hoạt động tài chính	68.628	67.127
Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	152.319.176	129.816.005
	<b>152.387.804</b>	<b>129.883.132</b>

**Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Chi phí tài chính**

	<b>Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 Nghìn VND</b>	<b>Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND</b>
Chi phí lãi vay	151.502.740	127.731.507
Chi phí tài chính khác	573.786	288.499
	152.076.526	128.020.006

**17. Thuế thu nhập**

**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 Nghìn VND</b>	<b>Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND</b>
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	(848.323)	764.468
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(169.665)	152.894
Dự phòng thừa trong năm trước (*)	(6.358.690)	-
Lỗ tính thuế được sử dụng	-	(152.894)
	(6.528.355)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	169.665	-
	(6.358.690)	-

(\*) Dự phòng thừa trong năm trước chủ yếu đến từ điều chỉnh do đánh giá ảnh hưởng của Nghị định 68/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 sửa đổi khoản 3 điều 8 của Nghị định 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2020 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

**(b) Thuế suất áp dụng**

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các số dư và giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

**(a) Số dư với các bên liên quan**

Tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (“TCB”) theo các điều khoản giao dịch thông thường.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, một công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất và công ty mẹ cấp cao nhất nắm giữ số lượng trái phiếu đã phát hành của Công ty lần lượt tương đương với 1.891.397 triệu VND (1/1/2020: 146.358 triệu VND) và không (1/1/2020: 750.000 triệu VND).

**(b) Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Bản chất của giao dịch	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Lãi trái phiếu	-	66.361.148
<b>Bên liên quan của công ty mẹ cấp cao nhất</b>			
TCB và các công ty con	Lãi trái phiếu	14.017.682	693.119
	Tiền thu được từ phát hành trái phiếu (*)	-	500.000.000
<b>Các công ty con</b>			
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên	Góp vốn	-	4.314.434.887
	Thu hồi khoản thu về cho vay dài hạn	-	3.945.518.100
	Thu hồi lãi cho vay	-	368.916.787
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	101.724.483	79.499.305
	Góp vốn cho HĐHTKD	-	500.000.000
Công ty TNHH Vonfram Masan	Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	50.594.693	50.316.700

(\*) Trái phiếu đã được niêm yết và bán rộng rãi cho các nhà đầu tư theo một thỏa thuận thu xếp giao dịch.

**Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials**  
**(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, và số liệu so sánh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.


Ngày 12 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai  
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Stuart James Wells  
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw  
Tổng Giám đốc

